

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2025

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định và bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 569/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1986; HKTT: Xóm B, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số B, ngõ D D, phường M, quận C, Hà Nội. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm B, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền (có xác nhận của Văn phòng K tại Đ), nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/8/2010. Sau khi kết hôn, chị và anh M chung sống cùng nhau tại nhà đất của bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Năm 2013, chị đi lao động tại Đài Loan. Cũng từ thời gian này, vợ chồng sống ly thân, không còn liên

lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là Đỗ Gia B, sinh ngày 09/5/2011. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị và anh M tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đỗ Văn M trình bày: Anh xác định điều kiện, thời gian kết hôn như chị V trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Năm 2010, anh đi lao động tại Đài Loan. Năm 2015, chị V cũng sang Đài Loan làm việc. Do mỗi người làm một công ty khác nhau nên anh và chị V không sống chung mà chỉ gặp nhau vào cuối tuần. Từ năm 2016, anh và chị V không gặp nhau nữa. Nguyên nhân là do chị V có quan hệ tình cảm với người khác. Cuối năm 2019 anh về Việt Nam, còn chị V vẫn ở lại Đài Loan. Nay chị V cương quyết xin ly hôn anh nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị V trình bày là đúng. Cháu Đỗ Gia B hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được nuôi cháu B và tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị V, anh M đều vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V ly hôn anh Đỗ Văn M. Về con chung: Giao cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 09/5/2011 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Lê Thị V đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Bị đơn anh Đỗ Văn M hiện đang sinh sống tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các tài liệu do chị Lê Thị V gửi về gồm Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền đều có xác nhận của Văn phòng K tại Đ nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Đỗ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/8/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị V và anh M đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị V trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Còn theo anh M trình bày trong thời gian ở Đài Loan, chị V có quan hệ tình cảm với người khác, không chung thủy với anh. Do mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị V và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V xin ly hôn, anh M đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn của chị V và anh M đã trầm trọng, anh chị không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị V được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị V và anh Đỗ Văn M có 01 con chung là Đỗ Gia B, sinh ngày 09/5/2011. Khi ly hôn, chị V và anh M đều có quan điểm giao cháu B cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện cháu B đang ở với anh M, được học tập và phát triển tốt; nguyện vọng của cháu B là muốn được ở cùng bố. Chị V đang ở nước ngoài, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu B cho anh M nuôi dưỡng đến khi cháu Bảo thành N (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V ly hôn anh Đỗ Văn M.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Đỗ Văn M được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Gia B, sinh ngày 09/5/2011 kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do anh Nguyễn Văn Đ nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005281 ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Đỗ Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chắt